CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Xây lắp Thừa Thiên Huế

Ngày 31/12/2025	15,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.6%	**-2.2%**	**-4.6%**

DT thuần
Q4/25
62.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼21.1| -25.2%
YoY: ▼16.2| -20.5%

LN thuần
Q4/25
19.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼16.5| -46.4%
YoY: ▲ 4.60| 32.0%

LN sau thuế
Q4/25
19.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.50| -25.2%
YoY: ▲ 3.90| 25.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
28.7%
YoY: +/-▲ 1.1%

ROE
2025
11.1%
YoY: +/-▼ 0.1%

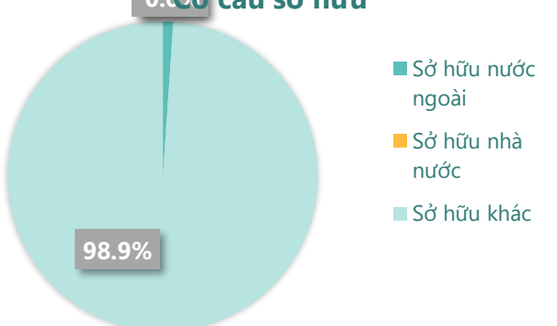
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	13,478 - 18,550
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	466
Số lượng CPLH (CP)	30,242,878
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,370
Sở hữu nước ngoài	1.1%
Beta	0.19
EPS	2,362
P/E	6.5

DT thuần
2025
305
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.00| -1.2%

LN thuần
2025
89.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.90| 8.4%

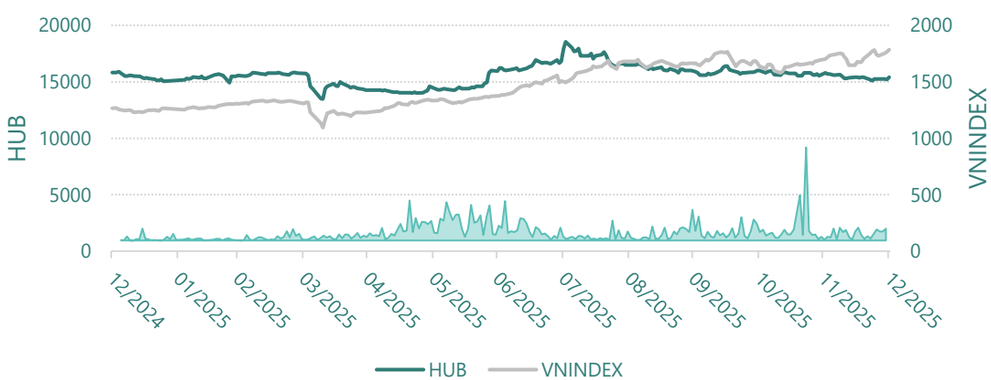
LN sau thuế
2025
73.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.70| 3.7%

Cơ cấu sở hữu

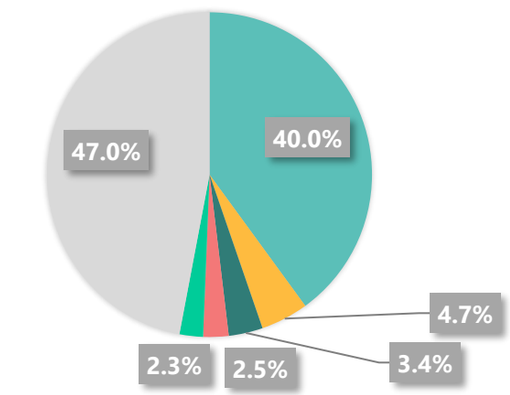


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



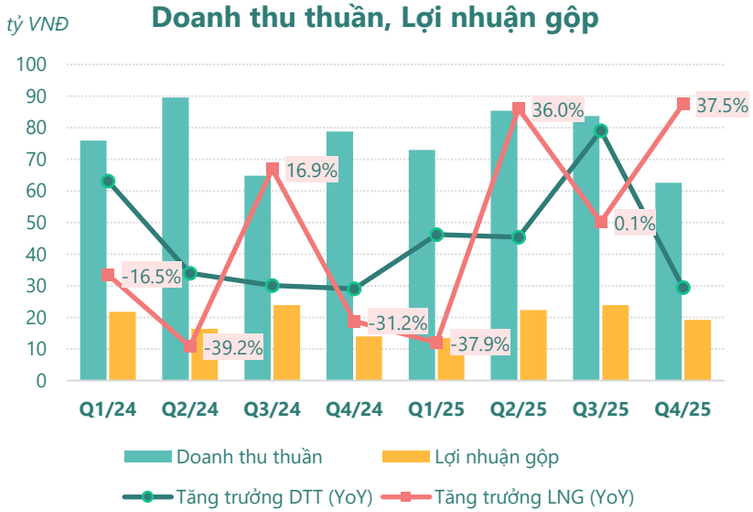
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

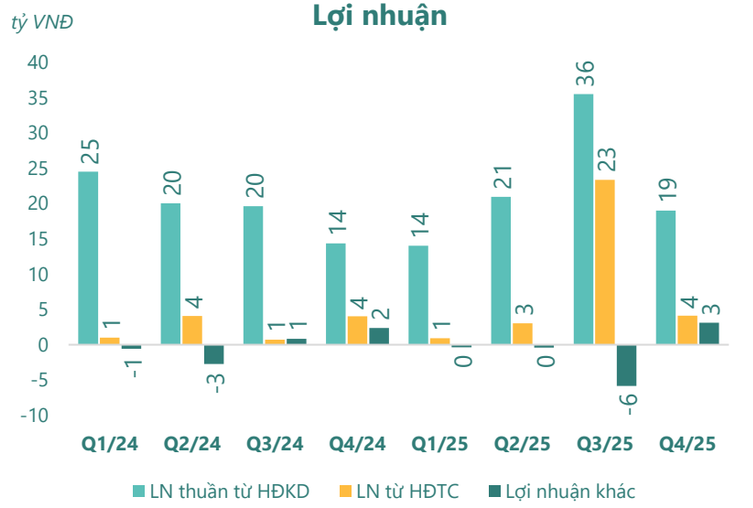
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



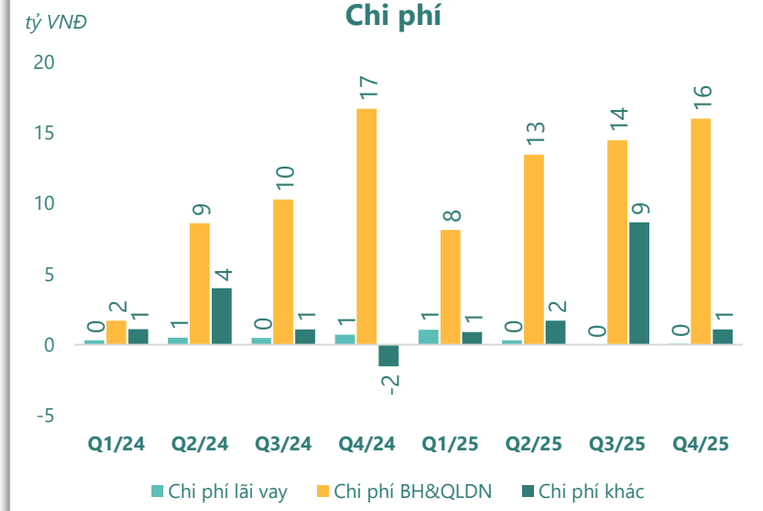
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



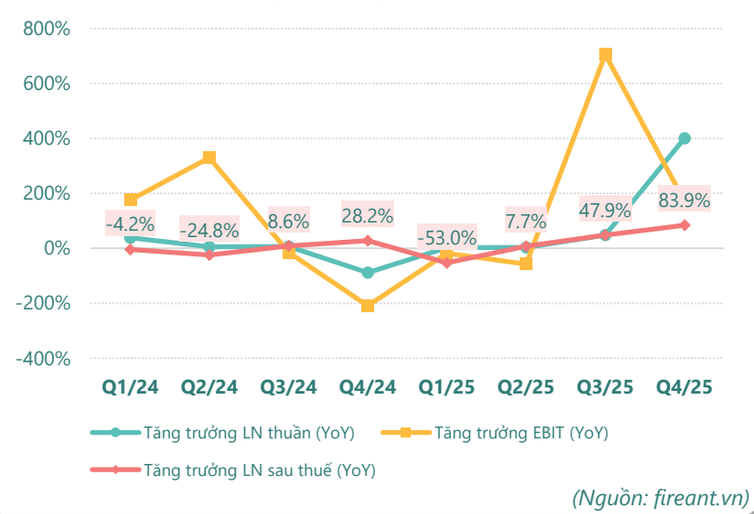
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



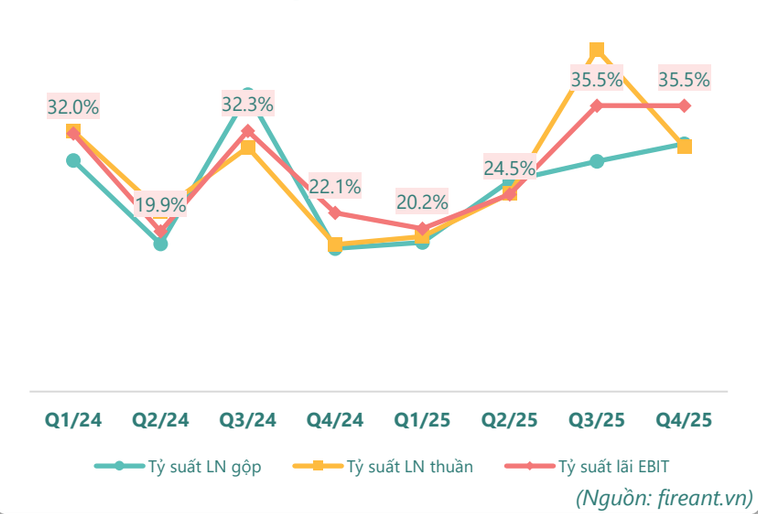
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



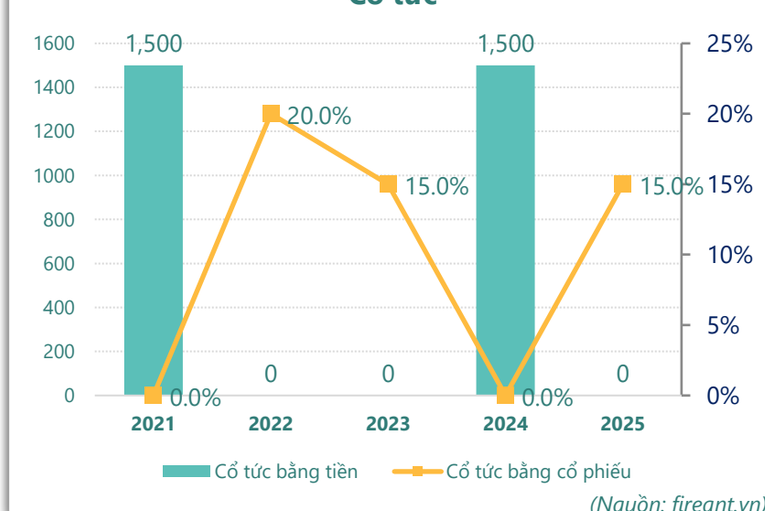
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

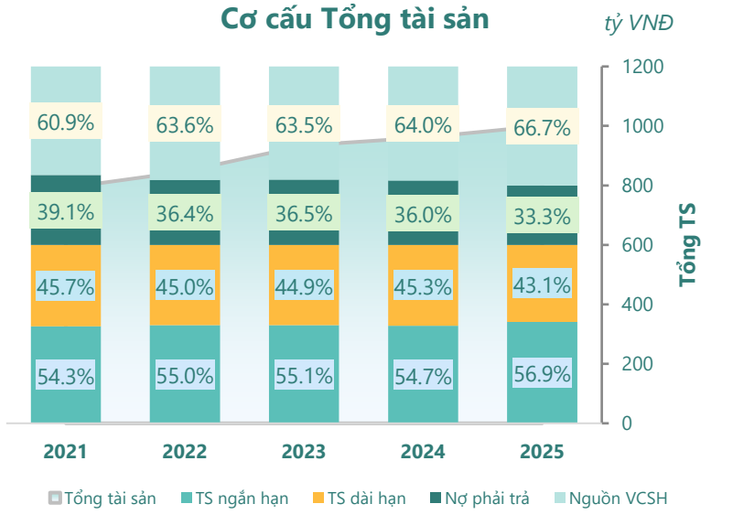
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

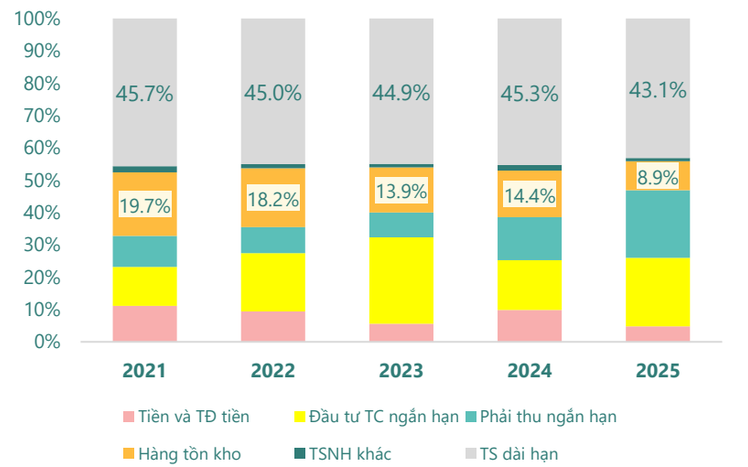
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



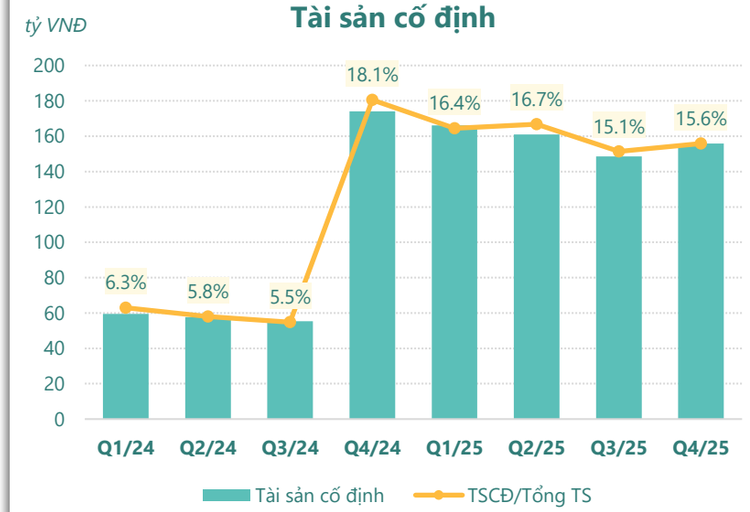
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



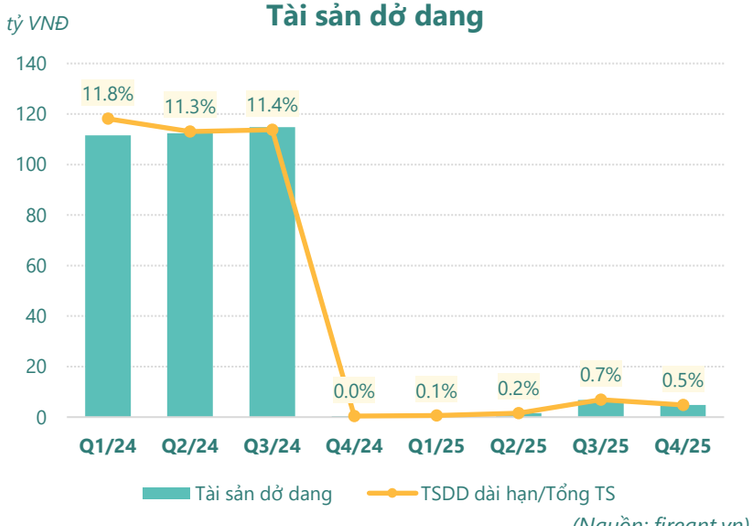
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



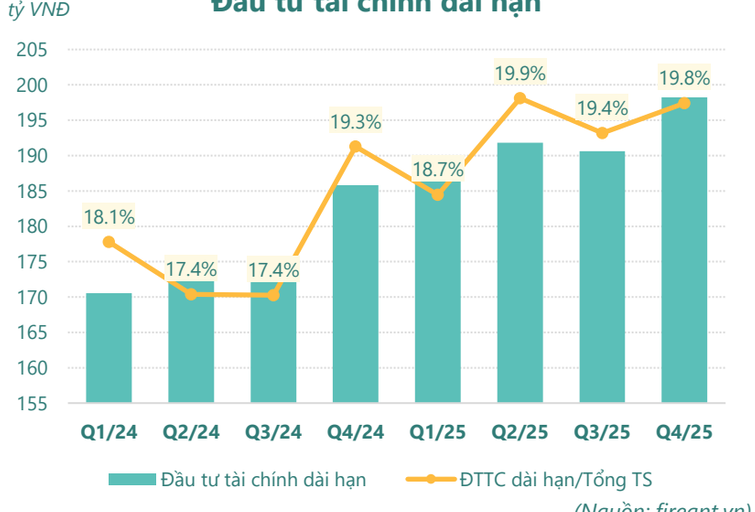
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



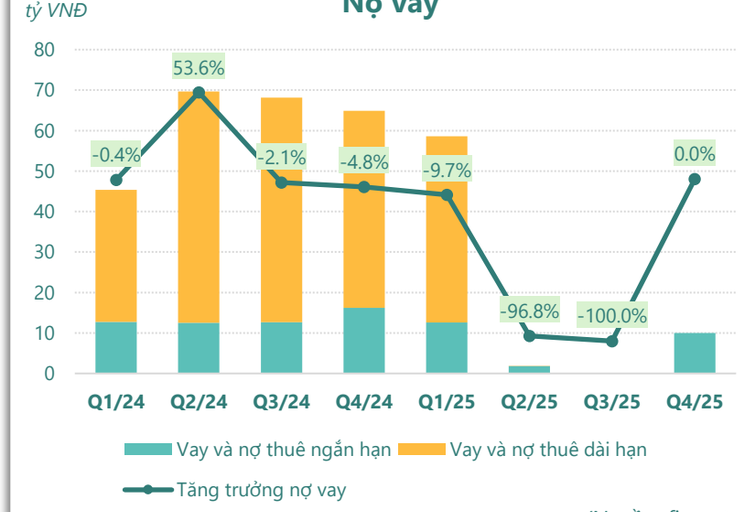
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

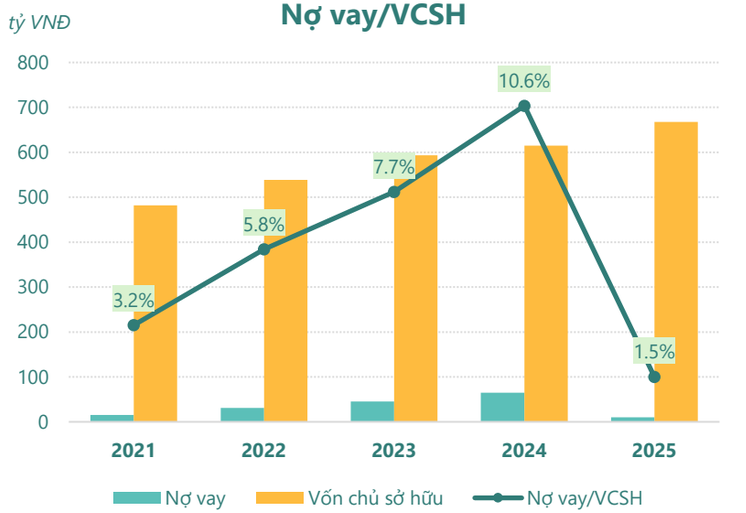
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

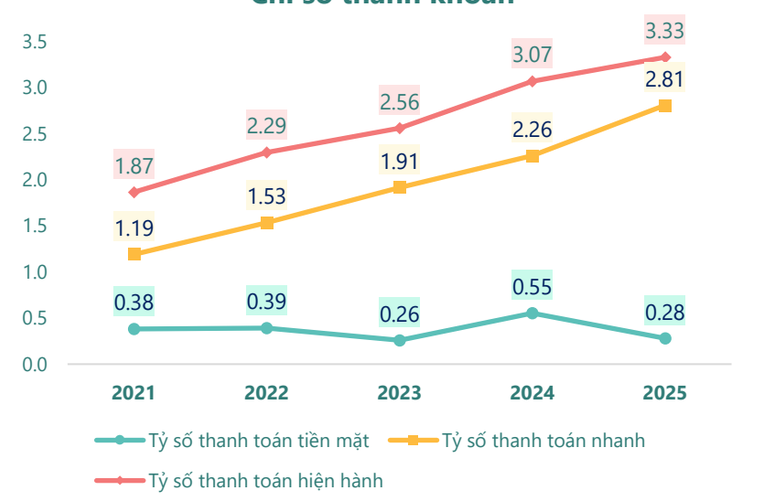
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



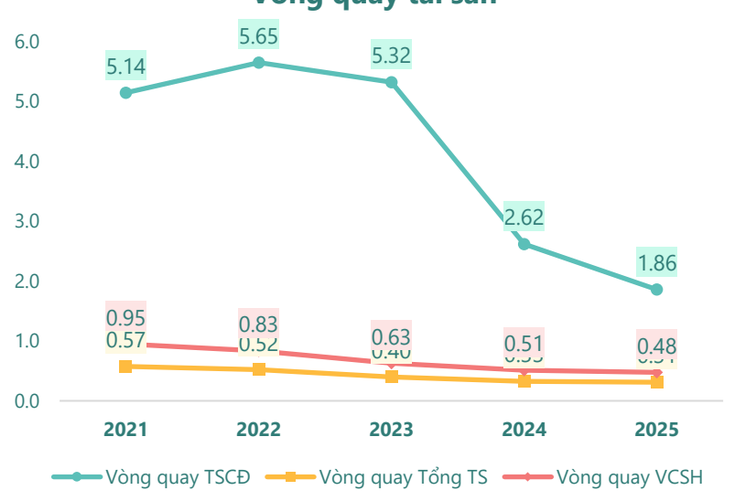
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



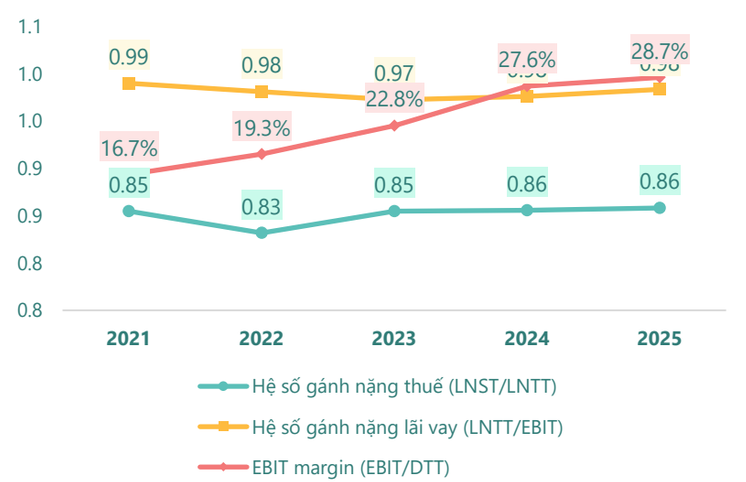
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



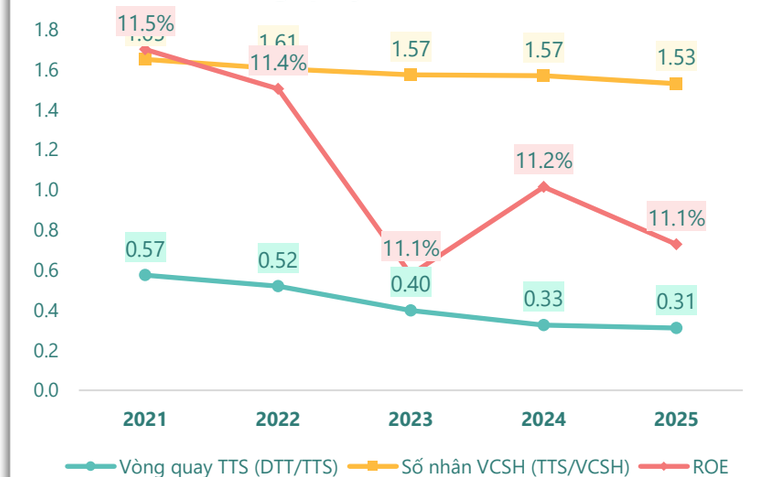
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



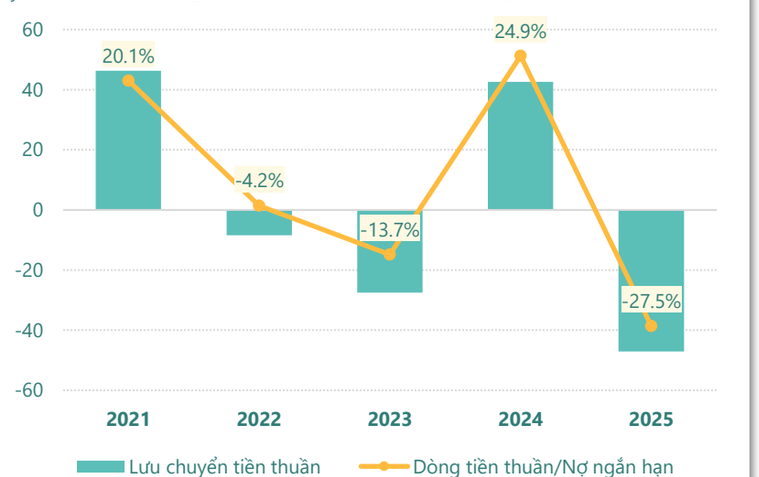
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**62.6**	**78.8**	**-20.5%**	**305**	**309**	**-1.2%**
Giá vốn hàng bán	43.4	64.8	-33.1%	226	229	-1.5%
Lợi nhuận gộp	19.2	14.0	37.4%	79.0	79.3	-0.4%
Doanh thu HĐTC	4.19	4.74	-11.6%	32.9	12.0	175%
Chi phí TC	0.07	0.72	-90.9%	1.45	2.14	-32.2%
Chi phí lãi vay	0.07	0.72	-90.9%	1.45	2.03	-28.4%
LN trong công ty LKLD	**11.7**	**13.1**	**-11.0%**	**31.2**	**30.6**	**2.1%**
Chi phí bán hàng	0.66	2.40	-72.6%	4.61	5.86	-21.4%
Chi phí QLDN	**15.4**	**14.3**	**7.4%**	**47.5**	**31.2**	**52.3%**
LN thuần từ HĐKD	19.0	14.4	32.0%	89.5	82.6	8.4%
Lợi nhuận khác	**3.12**	**2.37**	**31.7%**	**-3.46**	**0.61**	**-670%**
LN trước thuế	22.1	16.7	32.5%	86.1	83.2	3.4%
Lợi nhuận sau thuế	**19.2**	**15.3**	**25.6%**	**73.9**	**71.2**	**3.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**19.9**	**15.1**	**31.6%**	**71.4**	**67.9**	**5.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.36	-112	46.2	37.0	12.8	-58.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	8.26	53.3	-50.6	16.8	55.6	-50.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.5	-3.70	-6.72	-60.4	1.61	9.91
Tiền đầu kỳ	150	152	94.7	83.6	77.0	147
Lưu chuyển tiền thuần	**2.15**	**-62.2**	**-11.1**	**-6.62**	**70.0**	**-99.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.03	0	0	0.00	0.00	0
Tiền cuối kỳ	152	89.7	83.6	77.0	147	47.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,000**	**961**	**4.1%**
Tài sản ngắn hạn	569	526	8.2%
Tiền và tương đương tiền	47.7	94.7	-49.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	212	148	43.4%
Phải thu ngắn hạn	209	128	64.1%
Hàng tồn kho	88.9	138	-35.7%
Tài sản ngắn hạn khác	10.7	17.1	-37.7%
Tài sản dài hạn	**431**	**435**	**-0.9%**
Phải thu dài hạn	1.24	1.06	16.0%
Tài sản cố định	156	172	-9.4%
Bất động sản đầu tư	44.8	48.6	-7.9%
Tài sản dở dang	4.78	0.40	1089%
Đầu tư tài chính dài hạn	198	186	6.4%
Tài sản dài hạn khác	**26.4**	**26.9**	**-1.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	333	346	-3.9%
Nợ ngắn hạn	**171**	**171**	**-0.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.0	16.2	-38.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	26.8	28.6	-6.4%
Nợ dài hạn	162	175	-7.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	48.6	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**667**	**615**	**8.6%**
Vốn chủ sở hữu	**667**	**615**	**8.6%**
Vốn điều lệ	302	263	15.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)